TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2024/DS-ST Ngày: 12-04-2024 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 638/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 06/3/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Hằng N, sinh năm 1984; HKTT: Ô, căn 18, lô A, đường N, tổ H, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn*: Ông Phan Gia N1, sinh năm 1997; HKTT: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà N có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông N1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N trình bày:***

Bà N và ông N1 có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 25/10/2022, ông N1 có hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/4/2023, lãi suất là 2%/tháng. Hai bên có lập giấy mượn tiền do ông

N1 ký tên lăn tay. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông N1 đã trả lãi đến hết ngày 24/6/2023 được 48.000.000 đồng.

Ngày 08/11/2022, ông N1 hỏi vay thêm 40.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất là 5%/tháng. Ông N2 đã trả lãi đến hết ngày 07/6/2023 được 14.000.000 đồng.

Hiện nay, bà N có yêu cầu ông N1 trả nợ nhưng ông N1 không thực hiện. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông N1 như sau:

- Yêu cầu ông N1 thanh toán 300.000.000 đồng tiền gốc theo biên bản mượn tiền ngày 25/10/2022 và tiền lãi quá hạn từ ngày 25/6/2023 đến ngày 25/11/2023 là 25.050.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử.

- Yêu cầu ông N1 trả lại 40.000.000 đồng tiền gốc theo biên bản mượn tiền ngày 08/11/2022 và tiền lãi quá hạn từ ngày 08/6/2023 đến ngày 08/12/2023 là 4.008.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử.

Tại đơn vắng mặt ngày 26/3/2024, bà N trình bày đã thu lãi của ông N1 tổng cộng là 62.000.000 đồng. Trong đó, lãi của số tiền vay 300.000.000 đồng bà N đã nhận là 48.000.000 đồng, còn lãi theo quy định pháp luật chỉ có 40.000.000 đồng (chêch lệch 8.000.000 đồng); lãi của khoản vay 40.000.000 đồng bà N đã nhận là 14.000.000 đồng, lãi theo quy định pháp luật là 4.666.000 đồng (chêch lệch 9.334.000 đồng). Số tiền lãi vượt quá theo quy định có tổng là 17.334.000 đồng thì bà N đồng ý trừ vào tiền gốc của hai khoản vay. Do đó, bà N yêu cầu ông N1 thanh toán 292.000.000 đồng (300.000.000 đồng - 8.000.000 đồng) tiền gốc còn lại theo biên bản mượn tiền ngày 25/10/2022 và tiền lãi tính từ ngày 25/6/2023 và 30.666.000 đồng (*40.000.000 đồng - 9.334.000 đồng*) tiền gốc còn lại theo biên bản mượn tiền ngày 08/11/2022 và tiền lãi từ ngày 08/6/2023 đến nay.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 08/12/2022; Bản tự khai ngày 08/12/2022; Biên bản mượn tiền ngày 18/11/2022 và ngày 25/10/2022.

**** Bị đơn ông N1***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tống đạt để ông N1 tham gia tố tụng nhưng ông N1 cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N có yêu cầu vắng mặt. Bị đơn ông N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích

hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, giấy cho vay tiền bà N cung cấp là bản gốc, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà N có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông N1 có hộ khẩu thường trú tại Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là "Hợp đồng hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Trương Thị Hằng N khởi kiện yêu cầu ông Phan Gia N1 trả lại 300.000.000 đồng tiền gốc theo biên bản mượn tiền ngày 25/10/2022 và 40.000.000 đồng tiền gốc theo biên bản mượn tiền ngày 08/11/2022 cùng tiền lãi chưa thanh toán đến khi xét xử vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bà N đồng ý khấu trừ tiền lãi vượt quá vào tiền gốc, chỉ yêu cầu ông N1 thanh toán 292.000.000 đồng (300.000.000 đồng - 8.000.000 đồng) tiền gốc còn lại theo biên bản mượn tiền ngày 25/10/2022 và 30.666.000 đồng (*40.000.000 đồng – 9.334.000 đồng*) tiền gốc còn lại theo biên bản mượn tiền ngày 08/11/2022 cùng tiền lãi phát sinh. Việc đồng ý khấu trừ lãi vượt quá vào tiền gốc là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Biên bản mượn tiền ngày 25/10/2022, ông N1 vay 300.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/04/2023; Biên bản mượn tiền ngày 08/11/2022, ông N1 vay 40.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 08/11/2022 đến ngày 08/01/2023. Các giấy nợ trên có chữ ký, chữ viết, dấu lăn tay xác nhận nợ của ông N1. Ngoài ra, bà N còn cung cấp bảng sao kê tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh M thể hiện nội dung chuyển khoản số tiền trên cho ông N1. Hiện tại, các khoản nợ đã quá hạn, ông N1 chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về số nợ của nguyên đơn bà N yêu cầu. Điều này thể hiện ông N1 cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện thanh toán số tiền gốc còn lại là 322.666.000 đồng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Đối với khoản vay 300.000.000 đồng, sau khi khấu trừ lãi vượt quá còn 292.000.000 đồng. Khoản vay 40.000.000 đồng, sau khi khấu trừ lãi vượt quá còn 30.666.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi nên thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất. Căn cứ vào khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được Hội đồng xét xử chấp nhận là 20%/năm, mỗi tháng là 1,66%/tháng.

[6.1] Lãi của số tiền gốc còn lại 292.000.000 đồng được tính từ ngày 25/6/2023 đến ngày xét xử là 09 tháng 25 ngày với mức lãi suất 1,66%/tháng là 47.664.000 đồng.

[6.2] Lãi của số tiền gốc còn lại 30.666.000 đồng được tính từ ngày 08/6/2023 đến ngày xét xử là 10 tháng 11 ngày với mức lãi suất 1,66%/tháng là 5.277.209 đồng.

[6.3] Tổng số tiền lãi đến ngày xét xử 12/4/2024, ông N1 phải thanh toán là 52.941.209 đồng.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trương Thị Hằng N đối với ông Phan Gia N1.

Buộc ông Phan Gia N1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trương Thị Hằng N số tiền 375.607.209 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm lẻ bảy

ngàn hai trăm lẻ chín đồng), bao gồm 322.666.000 đồng (ba trăm hai mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) tiền gốc và 52.941.209 đồng (năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn hai trăm lẻ chín đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sở thẩm (12/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Phan Gia N1 phải chịu nộp số tiền 18.780.360 đồng (mười tám triệu bảy trăm tám mươi ngàn ba trăm sáu mươi đồng).

2.2. Hoàn trả cho bà Trương Thị Hằng N số tiền 9.226.450 đồng (chín triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002449 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Mỹ **Nguyễn Thị Kim Phi** **Nguyễn Tuấn Nam**